

**TRƯỜNG ĐẠI HỌC CẦN THƠ
KHOA SƯ PHẠM**



**BẢN MÔ TẢ
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC**

NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ

ĐỊNH HƯỚNG ỨNG DỤNG

MÃ NGÀNH 8140114

Cần Thơ, tháng 7 năm 2022

MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO VÀ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN LÝ GIÁO DỤC

Định hướng ứng dụng

(Ban hành kèm theo quyết định số 2424/QĐ-ĐHCT, ngày 07 tháng 7 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ)

I. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-ĐHCT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Chương trình đào tạo ngành Quản lý giáo dục định hướng ứng dụng được mô tả như sau:

1. Thông tin chung về chương trình đào tạo

Tên chương trình (tiếng Việt)	Quản lý giáo dục
Tên chương trình (tiếng Anh)	<i>Educational Management</i>
Mã số ngành đào tạo	8140114
Trường cấp bằng	Trường Đại học Cần Thơ
Tên gọi văn bằng	Bằng thạc sĩ
Trình độ đào tạo	Thạc sĩ
Số tín chỉ yêu cầu	60 tín chỉ, bao gồm 42 bắt buộc, 18 tự chọn
Hình thức, thời gian đào tạo	Hệ chính quy: 24 tháng; thời gian đào tạo tối đa 48 tháng Hệ vừa làm vừa học: 29 tháng; thời gian đào tạo tối đa: 58 tháng
Chuẩn đầu vào	
<i>Yêu cầu chung</i>	a) Đã tốt nghiệp hoặc đã đủ điều kiện công nhận tốt nghiệp đại học (hoặc trình độ tương đương trở lên) ngành phù hợp; đối với chương trình định hướng nghiên cứu yêu cầu hạng tốt nghiệp từ khá trở lên hoặc có công bố khoa học liên quan đến lĩnh vực sẽ học tập, nghiên cứu; b) Có năng lực ngoại ngữ từ Bậc 3 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam
<i>Ngành phù hợp không học bổ sung kiến thức</i>	Quản lý giáo dục, Giáo dục học
<i>Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức</i>	- Ngành phù hợp học bổ sung kiến thức: Các ngành trong nhóm ngành đào tạo giáo viên, Tâm lý học, Tâm lý học giáo dục.

	<p>- Ngành học phù hợp cần phải học bổ sung kiến thức và có thâm niên công tác trong lĩnh vực quản lý: Các nhóm ngành thuộc lĩnh vực: Nghệ thuật, Nhân văn, Khoa học xã hội và hành vi, Báo chí và thông tin, Kinh doanh và quản lý, Pháp luật, Khoa học sự sống, Khoa học tự nhiên, Toán và thống kê, Máy tính và công nghệ thông tin, Công nghệ kỹ thuật, Kỹ thuật, Sản xuất và chế biến, Kiến trúc và xây dựng, Nông, lâm nghiệp và thủy sản, Thú y, Sức khỏe, Dịch vụ xã hội, Du lịch, khách sạn, thể thao và dịch vụ cá nhân, Dịch vụ vận tải, Môi trường và bảo vệ môi trường, An ninh, Quốc phòng.</p>
Học phần bổ sung kiến thức	Khoa học quản lý – ML360 (3 TC), Giáo dục học -SP079 (3 TC)
Thang điểm đánh giá	Thang điểm 4 (quy ra thang điểm 10)
Điều kiện tốt nghiệp	<p>a) Tích lũy đủ các học phần và số TC quy định trong CTĐT; điểm TBCTL các học phần trong chương trình đào tạo đạt từ 5,5 trở lên (theo thang điểm 10) hoặc đạt từ 2,0 trở lên (theo thang điểm 4);</p> <p>b) Điểm luận văn đạt từ 5,5 điểm trở lên;</p> <p>b) Có một trong các văn bằng hoặc chứng chỉ ngoại ngữ đạt trình độ tương đương Bậc 4 theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam quy định tại Phụ lục của Quy chế tuyển sinh và đào tạo đại học do Bộ Giáo dục và Đào tạo công bố, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành ngôn ngữ nước ngoài, hoặc bằng tốt nghiệp trình độ đại học trở lên ngành khác mà chương trình được thực hiện hoàn toàn bằng ngôn ngữ nước ngoài; Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.</p> <p>c) Hoàn thành các trách nhiệm theo quy định của cơ sở đào tạo; không bị truy cứu trách nhiệm hình sự và không trong thời gian bị kỷ luật, đình chỉ học tập.</p>
Vị trí việc làm	<p>- Cán bộ quản lý, lãnh đạo, giáo viên, chuyên viên tại các cơ sở giáo dục – đào tạo các cấp và tại các đơn vị quản lý nguồn nhân lực của các cơ quan, xí nghiệp.</p> <p>- Giảng viên, nghiên cứu viên, chuyên viên tại các trường cao đẳng, đại học, viện, trung tâm nghiên cứu về khoa học giáo dục.</p>
Khả năng học tập, nâng cao trình độ sau khi tốt nghiệp	Có thể học tiếp bậc tiến sĩ
Đã tham khảo CTĐT của trường	1) Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Giáo dục- Đại học Quốc gia Hà Nội, Việt Nam

	<p>https://education.vnu.edu.vn/index.php/WebControl/viewpage/129</p> <p>2) Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Sư phạm Hà Nội, Việt Nam: http://sdh.hnue.edu.vn/Portals/hnue_postgra_program/42-Quan-ly-giao-duc-636902926428708332.pdf</p> <p>3) Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học London, Anh: https://london.ac.uk/sites/default/files/programme-specifications/progspec-ael-2018-19.pdf</p> <p>4) Chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản lý giáo dục, Trường Đại học Polytechni, Philippines: https://www.pup.edu.ph/coed/mem</p>
Thông tin về đánh giá, kiểm định chương trình đào tạo	<p>- Trường Đại học Cần Thơ đã được chứng nhận đạt chất lượng cơ sở giáo dục giai đoạn 2018 – 2023.</p> <p>- Chương trình đào tạo đã đạt tiêu chuẩn chất lượng giáo dục do Bộ trưởng Bộ Giáo dục ban hành (<i>Quyết định số 162/QĐ-KĐCLGD, ngày 14 tháng 6 năm 2021 của Giám đốc Trung tâm Kiểm định chất lượng giáo dục - Hiệp hội Các Trường Đại học, Cao đẳng Việt Nam</i>), có giá trị đến ngày 14 tháng 6 năm 2026¹.</p>
Thời gian cập nhật bản mô tả	Tháng 7 năm 2022

2. Mục tiêu đào tạo của chương trình đào tạo

2.1. Mục tiêu chung

Đào tạo trình độ thạc sĩ chuyên ngành Quản lý giáo dục nhằm giúp học viên có kiến thức khoa học và kỹ năng chuyên sâu cho ứng dụng vào hoạt động quản lý giáo dục hiệu quả, có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và có năng lực phát hiện, giải quyết những vấn đề thuộc chuyên ngành Quản lý giáo dục và có thái độ chuẩn mực trong ứng dụng quản lý giáo dục nhằm đáp ứng nhu cầu nguồn nhân lực quản lý giáo dục góp phần phát triển giáo dục - đào tạo.

2.2. Mục tiêu cụ thể

- Trang bị cho học viên kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận khoa học, khối ngành và kiến thức chuyên ngành quản lý giáo dục;
- Đào tạo học viên có kỹ năng xây dựng và thực hiện đề án trong quản lý giáo dục, và có kỹ năng ứng dụng phối hợp phương pháp luận khoa học, kiến thức chuyên sâu về khối ngành và chuyên ngành trong hoạt động quản lý giáo dục;
- Hình thành tác phong làm việc khoa học, tính tự chủ, trách nhiệm và thái độ chuẩn mực trong việc xây dựng, thực hiện đề án quản lý giáo dục và trong việc vận hành quản lý giáo dục.

3. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo

Hoàn thành chương trình đào tạo người học đạt được kiến thức, kỹ năng, năng lực tự chủ và trách nhiệm như sau:

3.1. Kiến thức

- Phân tích, tổng hợp, ứng dụng kiến thức chuyên sâu về phương pháp luận khoa học ứng dụng trong quản lý giáo dục;
- Phân tích, tổng hợp, áp dụng phối hợp kiến thức chuyên sâu về khoa học giáo dục, tâm lý giáo dục, công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục;
- Phân tích, tổng hợp, ứng dụng sáng tạo kiến thức chuyên sâu về quản lý các nguồn lực trong lĩnh vực giáo dục.

3.2. Kỹ năng

- Đề xuất biện pháp ứng dụng phối hợp kiến thức chung, kiến thức khối ngành và kiến thức chuyên ngành trong quản lý giáo dục;
- Tổ chức hoạt động quản lý các nguồn lực trong công tác giáo dục tại nơi làm việc;
- Thiết kế, thực hiện đề án chuyên sâu trong quản lý giáo dục và công bố khoa học;
- Làm việc độc lập, làm việc nhóm, sáng tạo, phát hiện và giải quyết vấn đề trong quản lý giáo dục.

3.3. Mức tự chủ và trách nhiệm

- Thể hiện tác phong làm việc khoa học, tính tự chủ, trách nhiệm và chuẩn mực trong việc vận hành công tác quản lý giáo dục;
- Thích nghi với môi trường quản lý giáo dục thay đổi.

3.4. Ngoại ngữ trước khi tốt nghiệp

Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 (bậc 4/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương

Yêu cầu ngoại ngữ đầu vào và ngoại ngữ đầu ra đối với mỗi người học phải cùng một ngôn ngữ.

4. Các tiêu chí liên quan tuyển sinh

Tuyển sinh	Theo đề án tuyển sinh của Trường Đại học Cần Thơ hàng năm. Gồm 3 hình thức có thể áp dụng: Thi tuyển; Xét tuyển; Xét tuyển kết hợp thi tuyển.
Môn thi tuyển sinh	1. Giáo dục học 2. Tâm lý học đại cương 3. Ngoại ngữ
Điều kiện xét tuyển	- Đảm bảo yêu cầu chuẩn đầu vào. - Theo quy định chung của Trường Đại học Cần Thơ

5. Ma trận mối quan hệ mục tiêu, chuẩn đầu ra và học phần

5.1. Ma trận mối quan hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Mục tiêu cụ thể	Chuẩn đầu ra								
	3.1 Kiến thức			3.2 Kỹ năng				3.3 Mức tự chủ và trách nhiệm	
	a	b	c	a	b	c	d	a	b
2.2a	x	x	x						
2.2b				x	x	x	x		
2.2c								x	x

5.2. Ma trận mối quan hệ giữa các học phần với chuẩn đầu ra chương trình đào tạo

Học phần			Chuẩn đầu ra (6)								
			Kiến thức (6.1)			Kỹ năng (6.2)				Mức tự chủ và trách nhiệm (6.3)	
TT	Mã số HP	Học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	d
Kiến thức chung											
1	ML605	Triết học	x			x			x	x	x
Kiến thức khối ngành											
2	SPQ628	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	x	x	x	x	x	x	x	x	x
3	SPQ602	Lý luận dạy học hiện đại		x		x			x	x	x
4	SPQ629	Giáo dục so sánh		x		x			x	x	x
5	SPQ604	Tâm lý học quản lý		x		x			x	x	x
6	SPQ626	Tư vấn học đường		x		x			x	x	x
7	SPQ607	Xã hội học giáo dục		x		x			x	x	x
8	SPQ608	Giáo dục vì sự phát triển bền vững		x		x			x	x	x
9	SPQ610	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục		x		x			x	x	x
10	SPQ003	Chuyên đề: Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập		x		x			x	x	x
Kiến thức chuyên ngành											
11	SPQ625	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục		x		x	x		x	x	x
12	SPQ611	Khoa học quản lý giáo dục			x	x	x		x	x	x
13	SPQ612	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục		x	x	x	x		x	x	x
14	SPQ613	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục			x	x	x		x	x	x
15	SPQ614	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục			x	x	x		x	x	x
16	SPQ615	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục – đào tạo			x	x	x		x	x	x
17	SPQ605	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục			x	x	x		x	x	x
18	SPQ609	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục			x	x	x		x	x	x

Học phần			Chuẩn đầu ra (6)								
			Kiến thức (6.1)			Kỹ năng (6.2)				Mức tự chủ và trách nhiệm (6.3)	
TT	Mã số HP	Học phần	a	b	c	a	b	c	d	a	d
19	SPQ616	Thanh tra trong giáo dục			x	x	x		x	x	x
20	SPQ627	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục			x	x	x		x	x	x
21	SPQ619	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục			x	x	x		x	x	x
22	SPQ620	Xây dựng văn hóa nhà trường			x	x	x		x	x	x
23	SPQ621	Kinh tế học giáo dục			x	x	x		x	x	x
24	SPQ622	Pháp luật trong giáo dục			x	x	x		x	x	x
25	SPQ623	Quản lý giáo dục cộng đồng			x	x	x		x	x	x
Học phần thực tập và tốt nghiệp											
26	SPQ001	Đề án tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x
27	SPQ002	Thực tập tốt nghiệp	x	x	x	x	x	x	x	x	x

II. MÔ TẢ CHƯƠNG TRÌNH DẠY HỌC

Căn cứ Quyết định số 889/QĐ-ĐHCT ngày 12 tháng 4 năm 2022 của Hiệu trưởng Trường Đại học Cần Thơ về việc ban hành chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, Chương trình dạy học ngành Quản lý giáo dục được mô tả như sau:

1. Cấu trúc chương trình dạy học

Tổng số tín chỉ toàn khóa: 60 tín chỉ

Phần kiến thức chung (Triết học): 04 tín chỉ (bắt buộc: 04 tín chỉ) + (ngoại ngữ tự học)

Phần kiến thức khối ngành: 14 tín chỉ (bắt buộc: 08 tín chỉ; tự chọn: 06 tín chỉ)

Phần kiến thức chuyên ngành: 27 tín chỉ (bắt buộc: 15 tín chỉ; tự chọn: 12 tín chỉ)

Học phần thực tập và tốt nghiệp: 15 tín chỉ (bắt buộc: 15 tín chỉ)

2. Khung chương trình đào tạo (ghi như nội dung liên quan của CTĐT đã công bố)

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
Phần kiến thức chung									
1	ML606	Triết học	4	X		60			I, II
<i>Cộng: 4TC (bắt buộc: 4 TC)</i>									
Phần kiến thức khối ngành									
2	SPQ628	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	X		20	20		I, II
3	SPQ602	Lý luận dạy học hiện đại	3	X		25	40		I, II
4	SPQ629	Giáo dục so sánh	2		X	20	20		I, II
5	SPQ604	Tâm lý học quản lý	3	X		25	40		I, II
6	SPQ626	Tư vấn học đường	2		X	20	20		I, II
7	SPQ607	Xã hội học giáo dục	2		X	20	20		I, II
8	SPQ608	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2		X	20	20		I, II
9	SPQ610	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục	2		X	20	20		I, II
10	SPQ003	Chuyên đề: Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập	2		X	20	20		I, II
<i>Cộng: 14 TC (bắt buộc: 8 TC, tự chọn: 6 TC)</i>									
Phần kiến thức chuyên ngành									
11	SPQ625	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục	3	X		25	40		I, II
12	SPQ611	Khoa học quản lý giáo dục	3	X		25	40		I, II
13	SPQ612	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	2	X		20	20		I, II
14	SPQ613	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục	2	X		20	20		I, II
15	SPQ614	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục	2	X		20	20		I, II
16	SPQ615	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục – đào tạo	3	X		25	40		I, II

T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	HP tiên quyết	HK thực hiện
17	SPQ605	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	2		X	20	20		I, II
18	SPQ609	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	2		X	20	20		I, II
19	SPQ616	Thanh tra trong giáo dục	2		X	20	20		I, II
20	SPQ627	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	2		X	20	20		I, II
21	SPQ619	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	2		X	20	20		I, II
22	SPQ620	Xây dựng văn hóa nhà trường	2		X	20	20		I, II
23	SPQ621	Kinh tế học giáo dục	2		X	20	20		I, II
24	SPQ622	Pháp luật trong giáo dục	2		X	20	20		I, II
25	SPQ623	Quản lý giáo dục cộng đồng	2		X	20	20		I, II
<i>Cộng: 27 TC (bắt buộc: 15 TC, tự chọn: 12TC)</i>									
Học phần thực tập và tốt nghiệp									
26	SPQ001	Đề án tốt nghiệp	9	X					
27	SPQ002	Thực tập tốt nghiệp	6	X					
<i>Cộng: 15 TC (bắt buộc: 15TC)</i>									
Tổng cộng			60	42	18				

3. Kế hoạch dạy học

1. HỌC KỲ 1										
T T	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Bắt buộc	Tự chọn	Số tiết LT	Số tiết TH	Ghi chú		
Phần kiến thức chung										
1	ML606	Triết học	4	X		60				
		Ngoại ngữ: Học viên tự học đạt chứng chỉ B2 (4/6) theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam hoặc tương đương theo quy định chung của Bộ Giáo dục & Đào tạo								
<i>Cộng: 4TC (bắt buộc: 4 TC)</i>										
Phần kiến thức khối ngành										
2	SPQ628	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	X		20	20			
3	SPQ602	Lý luận dạy học hiện đại	3	X		25	40			
4	SPQ604	Tâm lý học quản lý	3	X		25	40			
5	SPQ629	Giáo dục so sánh	2		X	20	20	Học viên tự chọn 6 tín chỉ (3 học phần trong số 6 học phần)		
6	SPQ626	Tư vấn học đường	2		X	20	20			
7	SPQ607	Xã hội học giáo dục	2		X	20	20			
8	SPQ608	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2		X	20	20			
9	SPQ610	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục	2		X	20	20			

10	SPQ003	Chuyên đề: Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập	2		X	20	20	
Phần kiến thức chuyên ngành								
13	SPQ612	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	2	X		20	20	
		Tổng cộng	20	14	6			
2. HỌC KỲ 2,								
Phần kiến thức chuyên ngành								
11	SPQ625	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục	3	X		25	40	
12	SPQ611	Khoa học quản lý giáo dục	3	X		25	40	
14	SPQ613	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục	2	X		20	20	
17	SPQ605	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	2		X	20	20	Học viên tự chọn 8 tín chỉ (4 học phần trong số 5 học phần)
18	SPQ609	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	2		X	20	20	
19	SPQ616	Thanh tra trong giáo dục	2		X	20	20	
20	SPQ627	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	2		X	20	20	
25	SPQ623	Quản lý giáo dục cộng đồng	2		X	20	20	
		Tổng cộng	16	8	8			
3. HỌC KỲ 3								
15	SPQ614	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục	2	X		20	20	
16	SPQ615	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục – đào tạo	3	X		25	40	
21	SPQ619	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	2		X	20	20	Học viên tự chọn 4 tín chỉ (2 học phần trong số 4 học phần)
22	SPQ620	Xây dựng văn hóa nhà trường	2		X	20	20	
23	SPQ621	Kinh tế học giáo dục	2		X	20	20	
24	SPQ622	Pháp luật trong giáo dục	2		X	20	20	
		Tổng cộng	9	5	4			
HỌC KỲ 4								
Học phần thực tập và tốt nghiệp								
26	SPQ001	Đề án tốt nghiệp	9	X				
27	SPQ002	Thực tập tốt nghiệp	6	X				
		Tổng cộng	15	15	0			

4. Mô tả tóm tắt các học phần

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
1	ML606	Triết học	4	Củng cố tri thức triết học cho công việc nghiên cứu thuộc lĩnh vực các khoa học xã hội - nhân văn; nâng cao nhận thức cơ sở lý luận triết học của đường lối cách mạng Việt Nam, đặc biệt là đường lối cách mạng Việt Nam trong thời kỳ đổi mới.	Khoa Khoa học chính trị

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Hoàn thiện và nâng cao kiến thức triết học trong chương trình Lý luận chính trị ở bậc đại học nhằm đáp ứng yêu cầu đào tạo các chuyên ngành khoa học xã hội – nhân văn ở trình độ sau đại học.	
2	SPQ628	Phương pháp nghiên cứu khoa học giáo dục	2	Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về: Khoa học và nghiên cứu khoa học; khoa học giáo dục và nghiên cứu khoa học giáo dục (Khoa học giáo dục, phương pháp luận nghiên cứu khoa học giáo dục; cách thức thực hiện một đề tài nghiên cứu khoa học giáo dục nói chung, nghiên cứu khoa học sư phạm ứng dụng nói riêng; cách thức viết một công trình nghiên cứu khoa học giáo dục, nghiên cứu sư phạm ứng dụng).	Khoa Sư phạm
3	SPQ602	Lý luận dạy học hiện đại	3	Học phần nhằm cung cấp cho học viên kiến thức cơ bản về Lý luận dạy học trong xã hội hiện đại. Nội dung học phần bao gồm: Khái quát chung về Lý luận dạy học hiện đại; mục tiêu dạy học theo tiếp cận năng lực, nội dung dạy học theo tiếp cận năng lực và phương pháp dạy học theo tiếp cận năng lực.	Khoa Sư phạm
4	SPQ629	Giáo dục so sánh	2	Học phần này cung cấp cho học viên khái quát chung về giáo dục so sánh bao gồm: khái niệm, mục đích, nhiệm vụ và đối tượng của Giáo dục so sánh; nguyên tắc, cách tiếp cận nghiên cứu và kỹ thuật so sánh giáo dục.	Khoa Sư phạm
5	SPQ604	Tâm lý học quản lý	3	Học phần này cung cấp cho học viên cơ sở lý luận về tri thức tư vấn tâm lý học đường (khái niệm, cách tiếp cận, kỹ năng tư vấn, hình thức, mức độ tư vấn học đường, đặc điểm tâm lý và những khó khăn tâm lý của người học, quy trình tư vấn tâm lý); đồng thời cung cấp những kỹ năng tư vấn cơ bản để người học ứng dụng tri thức tâm lý trợ giúp, can thiệp những vấn đề người học gặp phải trong quá trình tham gia hoạt động học tập tại cơ sở giáo dục.	Khoa Sư phạm
6	SPQ626	Tư vấn học đường	2	Học phần này cung cấp cho học viên cơ sở lý luận về tri thức tư vấn tâm lý học đường (khái niệm, cách tiếp cận, kỹ năng tư vấn, hình thức, mức độ tư vấn học đường, đặc điểm tâm lý và những khó khăn tâm	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				lý của người học, quy trình tư vấn tâm lý); đồng thời cung cấp những kỹ năng tư vấn cơ bản để người học ứng dụng tri thức tâm lý trợ giúp, can thiệp những vấn đề người học gặp phải trong quá trình tham gia hoạt động học tập tại cơ sở giáo dục.	
7	SPQ607	Xã hội học giáo dục	2	Học phần này đề cập tới một số vấn đề chung của xã hội học giáo dục, giáo dục và hệ thống xã hội, hệ thống giáo dục và nhà trường, xã hội hóa cá nhân, xã hội hóa sự nghiệp giáo dục, nhóm học sinh, sinh viên, nghề giáo viên và nhà giáo.	Khoa Sư phạm
8	SPQ608	Giáo dục vì sự phát triển bền vững	2	Học phần này cung cấp cho học viên khái quát chung về phát triển bền vững và giáo dục vì sự phát triển bền vững.	Khoa Sư phạm
9	SPQ610	Ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho học viên khái quát chung kiến thức về công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục nói chung và quản lý nhà trường nói riêng; cách khai thác ứng dụng công nghệ thông tin trong quản lý giáo dục một cách có hiệu quả.	Khoa Sư phạm
10	SPQ003	Chuyên đề: Giáo dục Việt Nam trong xu thế hội nhập	2	Học phần cung cấp cho người học hệ thống tri thức về xu thế hội nhập và giáo dục trong xu thế hội nhập. Đồng thời cung cấp cho người học hệ thống tri thức khái quát về những thời cơ, thách thức trong quá trình hội nhập về giáo dục.	Khoa Sư phạm
11	SPQ625	Xây dựng và phát triển chương trình giáo dục	3	Học phần này cung cấp cho học viên cơ sở lý luận và thực tiễn về xây dựng và phát triển chương trình giáo dục.	Khoa Sư phạm
12	SPQ611	Khoa học quản lý giáo dục	3	Nội dung học phần bao gồm hệ thống kiến thức cơ bản về khoa học quản lý giáo dục bao gồm: Khái quát chung về quản lý giáo dục, các yêu cầu đổi mới trong quản lý giáo dục, lãnh đạo và quản lý nhà trường, nghiên cứu và ứng dụng khoa học quản lý giáo dục.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
13	SPQ612	Kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục	2	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm những nội dung về thành tố tạo nên chất lượng; các loại hình, nguyên tắc, chuẩn mực và quá trình kiểm định và đánh giá chất lượng giáo dục; sử dụng kết quả đánh giá và xu hướng toàn cầu trong kiểm định chất lượng giáo dục.	Khoa Sư phạm
14	SPQ613	Chiến lược và kế hoạch phát triển giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho học viên hệ thống tri thức về lập chiến lược và kế hoạch phát triển GD&ĐT.	Khoa Sư phạm
15	SPQ614	Quản lý và phát triển nguồn nhân lực trong giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho học viên khái quát chung về quản lý nguồn nhân lực và quản lý nguồn nhân lực trong giáo dục.	Khoa Sư phạm
16	SPQ615	Quản lý tài chính trong cơ sở giáo dục – đào tạo	3	Học phần này cung cấp cho học viên hệ thống kiến thức về chung về quản lý tài chính trong giáo dục – đào tạo; Hoạt động quản lý tài chính trong giáo dục – đào tạo.	Khoa Sư phạm
17	SPQ605	Tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục	2	Học phần này đề cập đến các cách tiếp cận hiện đại trong quản lý giáo dục bao gồm: Tiếp cận hệ thống, tiếp cận phức hợp, tiếp cận theo lý thuyết khoa học hành vi, tiếp cận quản lý dựa vào nhà trường, tiếp cận theo ISO 9000 và văn hóa tổ chức trong quản lý giáo dục.	Khoa Sư phạm
18	SPQ609	Quản lý sự thay đổi trong giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho học viên cơ sở lý luận về quản lý sự thay đổi trong giáo dục và cách hoạch định sự thay đổi trong giáo dục.	Khoa Sư phạm
19	SPQ616	Thanh tra trong giáo dục	2	Học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành gồm những nội dung về tổ chức và hoạt động thanh tra giáo dục, các tổ chức thanh tra, các yếu tố, nguyên tắc và phương pháp thanh tra, giải quyết khiếu nại, tố cáo, xử lý kỷ luật, xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực giáo dục, sự tác động và hiệu quả của thanh tra giáo dục.	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
				Học phần cung cấp cho người học những kiến thức cơ bản về quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục, đánh giá thực trạng về cơ sở vật chất và thiết bị trường học, xây dựng và Xây dựng và tổ chức thực hiện kế hoạch mua sắm sửa chữa bổ sung tiếp nhận cơ sở vật chất và thiết bị trong trường học, Tổ chức huy động và sử dụng các nguồn lực cơ sở vật chất và thiết bị trường học.	Khoa Sư phạm
20	SPQ627	Quản lý cơ sở vật chất và thiết bị trong giáo dục	2	Học phần chú trọng đến việc hình thành các kỹ năng nhận thức và vận dụng những kiến thức vào việc bồi dưỡng nhân cách người người quản lý; đồng thời góp phần hình thành các kỹ năng về quản lý cơ sở vật chất, thiết bị trong nhà trường ... Các kỹ năng chủ yếu được hình thành thông qua các nội dung của môn học có sự lồng ghép của giảng viên.	
21	SPQ619	Xây dựng và quản lý dự án giáo dục	2	Học phần này đề cập đến khái quát chung về dự án và quản lý dự án, lập dự án đầu tư/dự án giáo dục trong giáo dục và quản lý dự án giáo dục	Khoa Sư phạm
22	SPQ620	Xây dựng văn hóa nhà trường	2	Học phần này đề cập tới khái niệm văn hóa, văn hóa công sở, văn hóa nhà trường; xác định được cấu trúc của hệ thống văn hóa nhà trường, các biện pháp quản lý, lãnh đạo để xây dựng và phát triển văn hóa học đường.	Khoa Sư phạm
23	SPQ621	Kinh tế học giáo dục	2	Học phần này cung cấp cho học viên những vấn đề chung của kinh tế học giáo dục; tương quan giáo dục và kinh tế trong tiến trình phát triển kinh tế-xã hội; dự báo, quy hoạch và lập kế hoạch giáo dục; đầu tư cho giáo dục và tài chính giáo dục; hiệu quả kinh tế của giáo dục.	Khoa Sư phạm
24	SPQ622	Pháp luật trong giáo dục	2	Học phần này đề cập đến Luật giáo dục, Luật giáo dục đại học, Luật giáo dục nghề nghiệp, Luật cán bộ, công chức và luật viên chức	Khoa Sư phạm
25	SPQ623	Quản lý giáo dục cộng đồng	2	Học phần này cung cấp cho học viên khái quát chung về giáo dục cộng đồng và quản lý giáo dục cộng đồng	Khoa Sư phạm

TT	Mã số HP	Tên học phần	Số tín chỉ	Mô tả tóm tắt học phần	Đơn vị giảng dạy học phần
26	SPQ001	Đề án tốt nghiệp	9	Học phần này thuộc khối tốt nghiệp, giúp cho học viên lựa chọn và thực hiện đề án tốt nghiệp về quản lý giáo dục.	Khoa Sư phạm
27	SPQ002	Thực tập tốt nghiệp	6	Học phần này thuộc khối thực tập tốt nghiệp, giúp cho học viên lựa chọn và thực tập quản lý giáo dục.	Khoa Sư phạm

Đề cương chi tiết các học phần được đính kèm ở phần Phụ lục.

5. Phương pháp giảng dạy và học tập

Thuyết trình, thảo luận, hỏi đáp, quyết vấn đề, xử lý tình huống, hướng dẫn tìm kiếm thông tin, thực hành, nghiên cứu khoa học,...

6. Phương pháp đánh giá

- Phương pháp kiểm tra viết, phương pháp đánh giá sản phẩm hoạt động của học viên.
- Điểm học phần theo thang điểm 10 làm tròn đến một chữ số thập phân, sau đó được quy đổi sang điểm chữ và điểm số theo thang điểm 4 theo quy định về công tác học vụ của Trường.

**TL. HIỆU TRƯỞNG
TRƯỞNG KHOA SƯ PHẠM**



Huỳnh Anh Huy

Cần Thơ, ngày 08 tháng 7 năm 2022
PHỤ TRÁCH NGÀNH

Trần Lương

PHỤ LỤC
ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT CÁC HỌC PHẦN (*)
